|  |  |
| --- | --- |
|  **QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Nghị quyết số: /2025/QH15 |  |

 **DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025,*

**QUYẾT NGHỊ:**

# **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định, nguyên tắc, phương án, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

# **Điều 2. Tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

Khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật được xác định theo một trong các tiêu chí sau:

1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, minh bạch, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.

3. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ không cần thiết, không cân đối - hợp lý; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo, phát triển vấn đề mới, xu hướng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập.

# **Điều 3. Nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

1. Thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ trong quá trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

3. Xử lý nhanh chóng, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề cấp bách của thực tiễn, đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh.

4. Không trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

6. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là các quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

7. Ưu tiên xử lý khó khăn, vướng mắc củapháp luật trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài chính, tín dụng, thuế, phí, lệ phí, đấu thầu; cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ bất hợp lý; chuyển đổi xanh, kinh tế xanh; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sắp xếp tổ chức bộ máy, phân quyền, phân cấp.

**Điều 4. Phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

1. Các khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được xử lý trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều này, để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết của Chính phủ được ban hành trong trường hợp này phải được đánh số ký hiệu riêng để theo dõi, xử lý. Ngoài các nội dung điều chỉnh quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ phải xác định cụ thể danh mục các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều khoản cụ thể có liên quan cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

3. Để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

4. Các khó khăn, vướng mắc do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền trong năm 2025 và 2026.

**Điều 5. Quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

1. Cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản (đối với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ) có trách nhiệm nghiên cứu kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và phương án sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định của Nghị quyết này.

2. Trường hợp Chính phủ ban hành nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết gồm: dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, bản so sánh quy định của dự thảo nghị quyết với các quy định hiện hành, danh mục các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều khoản cụ thể có liên quan cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (nếu có); gửi Hội đồng thẩm định độc lập do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập theo quy định tại khoản 5 Điều này để tiến hành thẩm định trước khi trình Chính phủ.

Hội đồng thẩm định độc lập có trách nhiệm thẩm định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Nội dung thẩm định bao gồm: tiêu chí, nguyên tắc, phương án xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này và các nội dung khác theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng thẩm định độc lập, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, báo cáo thẩm định và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, trình Chính phủ xem xét, thông qua.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại khoản này, Chính phủ phải xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết gồm các tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; gửi Chính phủ cho ý kiến trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chính phủ có trách nhiệm cho ý kiến theo các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết gồm các tài liệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, văn bản ý kiến của Chính phủ và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại phiên họp gần nhất.

4. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp cần xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 52 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Hội đồng thẩm định độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều này gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Tư pháp, thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội. Căn cứ nội dung của dự thảo nghị quyết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc mời đại diện Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các bộ, cơ quan ngang bộ, chuyên gia, nhà khoa học và cơ quan, tổ chức khác tham gia Hội đồng thẩm định độc lập.

Bộ Tư pháp là cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định độc lập. Hội đồng thẩm định độc lập được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Nghị quyết này. Việc rà soát, xác định các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị quyết này phải hoàn thành trước ngày 30 tháng 7 năm 2025.

2. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức văn bản quy phạm thi hành pháp luật; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phối hợp với Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Các cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình ưu tiên nguồn lực thực hiện việc rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật bảo đảm nhanh chóng, kịp thời.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ rà soát, xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan mình theo quy định tại Nghị quyết này.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia xác định, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

# **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết này trước khi kết thúc thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phân quyền, phân cấp đã được quy định tại Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 50 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thì thực hiện theo các quy định đó và quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.

4. Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, năng lượng nguyên tử đã được quy định tại Điều 82 của Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 72 của Luật Năng lượng nguyên tử thì thực hiện theo quy định đó và quy định của Nghị quyết này.

5. Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư và các quy định khác liên quan đến đầu tư kinh doanh nhằm thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số [68-NQ/TW](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-68-NQ-TW-2025-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-655260.aspx) ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 16 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 198/2025/QH15 và quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.

6. Trường hợp quy định tại Nghị quyết này khác với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp Nghị quyết này không quy định thì áp dụng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

7. Đối với các dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có trong Chương trình lập pháp năm 2025, sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết này, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý khó khăn, vướng mắc ngay tại luật, nghị quyết, pháp lệnh đó.

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp lần thứ thông qua ngày      tháng năm 2025.*

 **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**